***Ngày soạn: 24/8/2018***

***Ngày dạy:***

**Tiết 7 - Bài 5. NGUYÊN TỐ HÓA HỌC (tiếp)**

**I- MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

HS biết được :

* Nguyên tử khối là khối lượng của nguyên tử tính bằng đơn vị cacbon
* 1 đvC = 1/12 khối lượng của một nguyên tử cacbon.
* Mỗi nguyên tố có một nguyên tử khối riêng biệt. Biết nguyên tử khối, sẽ xác định được đó là nguyên tố nào.

**2 . Kỹ năng**

* HS biết sử dụng bảng 1 (SGK T42) để:

+ Tìm kí hiệu và nguyên tử khối khi biết tên nguyên tố.

+ Biết nguyên tử khối, hoặc biết số proton thì xác định được tên và kí hiệu của nguyên tố.

* Rèn luyện kĩ năng viết KHHH của nguyên tố
* Rèn luyện kĩ năng làm BT xác định nguyên tố

**3. Thái độ**

* Nghiêm túc học tập, say mê học hỏi, yêu thích môn học.
* Hình thành cho HS cách học tập, làm việc nghiêm túc, cẩn thận.

**4. Trọng tâm**

* Khái niệm về nguyên tử khối và cách só sánh đơn vị khối lượng nguyên tử

**5. Định hướng phát triển năng lực**

* Năng lực tư học
* Năng lưc tư duy hóa học
* Năng sử dụng ngôn ngữ hóa học
* Năng lực nghiên cứu và thực hành hóa học
* Năng lực tính toán hóa học

**II- CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

* Thiết kế kế hoạch dạy học
* Thiết bị – đồ dùng dạy học:
* Máy chiếu

**2. Học sinh**

* Đọc trước bài mới
* Học thuộc tên, kí hiệu hóa học của một số nguyên tố

**III- TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**

**1. Ổn định tình hình lớp** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** lồng ghép trong tiết dạy

**3. Giảng bài mới** (44 phút)

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**(7 phút )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| \* Gọi 2 HS lên bảng  HS 1: Nêu định nghĩa nguyên tố hoá học: viết kí hiệu hoá học của các nguyên tố sau: nhôm, kẽm, sắt, canxi, magiê, đồng, phốtpho, lưu huỳnh. Biểu diễn 5 nguyên tử Magie, 8 nguyên tử sắt.  HS 2: chữa BT 3 SGK  \* Nhận xét, cho điểm HS | \* Làm bài tập |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (15 phút )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Hình thành khái niệm nguyên tử khối** | | |
| \* Thông báo: Nguyên tử có khối lượng vô cùng bé, nếu tính bằng gam thì quá nhỏ, không tiện sử dụng. Vì vậy người ta qui ước lấy 1/12 khối lượng của nguyên tử cacbon làm đơn vị khối lượng nguyên tử, gọi là đơn vị cacbon. Viết tắt là đvC.  \* Lấy VD, phân tích  \* Mở rộng: Khối lượng tính bằng đvC chỉ là khối lượng tương đối giữa các nguyên tử ⭢ người ta gọi khối lượng này là nguyên tử khối.  ? Vậy nguyên tử khối là gì?  \* Thông báo: các giá trị khối lượng này cho biết sự nặng nhẹ giữa các nguyên tử.  ? Nguyên tử C, O nặng gấp bao nhiêu lần nguyên tử H ?  ? Nguyên tử O nặng gấp bao nhiêu lần nguyên tử C  \* Hướng dẫn HS tra bảng 1 SGK T42.  \* Mỗi nguyên tố đều có một nguyên tử khối riêng biệt. Vì vậy dựa vào nguyên tử khối của 1 nguyên tố chưa biết, ta xác định được đó là nguyên tử nào  \* Chốt lại kiến thức toàn bài | \* Nghe giảng  \* Chú ý nghe giảng  \* Trả lời: nguyên tử khối là khối lượng của 1 nguyên tử tính bằng dvC  \* Nghe giảng  \* Trả lời: C = 12H; O = 16H.  \* Trả lời: O = 16C/12 = 4C/3 ≈ 1,3C  \* Nghe giảng | **II- Nguyên tử khối (NTK)**  Qui ước: Lấy 1/12 khối lượng 1 nguyên tử C( tính bằng gam)  làm đơn vị khối lượng cho nguyên tử.  VD: K.lượng của 1 nguyên tử hiđro bằng 1 đvC (quy ước viết là H = 1đvC)  K.lượng của 1 nguyên tử C = 12đvC  K.lượng của 1 nguyên tử O =16 đvC.  \* NTK là khối lượng của 1 nguyên tử tính bằng đơn vị cacbon  \* Các giá trị khối lượng cho biết sự nặng nhẹ giữa các nguyên tử.  \* Mỗi nguyên tố có một nguyên tử khối riêng biệt |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**(5 phút )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| \* Yêu cầu HS dựa vào bảng 1 – SGK/42 hoàn thành bảng (mô tả ở dưới) | \* Hoàn thành bảng |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**(16 phút )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| \* BT 1: Nguyên tử của nguyên tố R có khối lượng nặng gấp 14 lần nguyên tử H. Em hãy tra bảng 1 SGK và cho biết.  a) R là nguyên tố nào?  b) Số p và số e trong nguyên tử.  \* Hướng dẫn HS cách làm bài tập dựa trên hệ thống câu hỏi  ? Muốn xác định được R là nguyên tố nào ta phải biết được điều gì về nguyên tố R.  ? Dựa vào dữ kiện đề ra bài ta biết dữ kiện gì về nguyên tố R  \* Gọi HS lên chữa bài tập 1  \* Nhận xét, cho điểm  BT 2:  Nguyên tử nguyên tố X có 17p trong hạt nhân em hãy xem bảng 1 SGK và trả lời:  a) Tên và kí hiệu của x ?  b) Số e trong nguyên tử của nguyên tố x ?  c) Nguyên tử x nặng gấp bao nhiêu lần nguyên tử H  \* Hướng dẫn HS làm bài | \* Trả lời câu hỏi hướng dẫn của GV:  - Cần xác định được NTK hoặc số proton  - Ta biết NTK  \* Làm bài | BT 1.  Theo đề bài ta có NTK của R là:  R = 14H = 14 x 1 = 14 (đvc)  a) R là nitơ. kí hiệu N  b) số p = số e = 7  BT 2.  a) X là Clo, Cl  b) Nguyên tử Cl có 17e. NTK Cl= 35,5 đvC  c) NTK Cl nặng gấp 35,5 lần so với nguyên tử H |

**E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**(1 phút )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| \* Yêu cầu HS về nhà  - Học lại bài  - Làm bài 4, 5, 6, 7, 8 (SGK T20); 5.8 (SBT)  - Đọc trước bài Đơn chất – Hợp chất – Phân tử |  |  |

BT: Dựa vào bảng 1 – SGK/42, hoàn chỉnh bảng sau

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên nguyên tố | KHHH | Số p | Số e | Số n | Tổng số hạt trong nguyên tử | NTK |
| flo |  |  |  | 10 |  |  |
|  |  |  | 19 | 20 |  |  |
|  |  |  |  | 12 | 36 |  |
|  |  | 3 |  | 4 |  |  |

**IV- RÚT KINH NGHIỆM:**